Sieu Ly Hoc - Giac Chanh - 06

Vi Diệu Pháp — Siêu Lý Học (Giác Chánh)

Sieu Ly Hoc - Giac Chanh - 06

Trang gốc

Trang web BuddhaSasana

VU Times font

Siêu Lý Học

Tỳ kheo Giác Chánh

Lưu ý: Đọc với phông chữ VU Times (Viet-Pali Unicode)

[06]

131- NHỊ ĐỀ KINH (SUTTANTAMATIKA)

Nhị Đề Kinh là pháp mẫu đề được trích từ Tạng Kinh chứ không phải của Tạng Abhidhamma, tuy nhiên Pháp trong những bài nầy có thể chỉ Pháp Bản thể Thật tướng (Sabhāvadhammā) được nên sắp theo Abhidhamma.

Nhị Đề Kinh, mỗi đề tài (bài) có 2 câu. Cũng có bài hàm tận, có bài chiết bán, có bài Vô dư và cũng có bài Hữu dư.

132 - NHỊ ĐỀ PHẦN MINH (Chiết, Hữu dư)

- Minh Phần Nhứt Thiết Pháp (Vijjābhāgino dhammā).

- Vô Minh Phần Nhứt Thiết Pháp (Avijjābhāgino dhammā)

GIẢNG GIẢI

I. Vijjābhāgino dhammā hay Minh Phần Nhứt Thiết Pháp là tất cả pháp thuộc về phần sáng suốt, gồm có:

a) Tâm: 4 thiện Dục giới hiệp trí, 4 Duy Tác dục giới hiệp trí, 2 Diệu trí và 1 hoặc 5 Tâm Tứ đạo.

b) Sở hữu tâm: 13 Tợ tha và 24 Tịnh hảo, trừ Trí tuệ (vì Trí tuệ chính là Minh).

Minh phần Nhất Thiết đối với:

- 5 Uẩn: Có 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: Có ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: Có ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Có Khổ đế, Đạo đế và Ngoại đế.

II. Avijjhabhāgino dhammā hay Vô Minh Phần Nhứt Thiết pháp là tất cả pháp thuộc về tối tăm. Gồm có:

a) Tâm: 12 Bất thiện.

b) Sở Hữu Tâm: 13 Tợ tha và 13 Bất thiện, trừ Si (vì chính là Vô minh).

Vô Minh Phần Nhứt Thiết pháp đối với:

- 5 Uẩn: Có 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: Có ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: Có ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Có Khổ đế, và Tập đế.

133 - NHỊ ĐỀ TỢ ĐIỂN (Chiết, Hữu dư)

- Như Điển Nhứt Thiết pháp (Vijjūpamā dhammā).

- Như Lôi Nhứt Thiết pháp (Vajirūpamā dhammā).

GIẢNG GIẢI

I. Vijjūpamā hay Như Điển Nhứt Thiết Pháp là tất cả pháp như tia điện chớp, gồm có: trí tuệ hiệp trong 3 hoặc 15 Tâm Đạo thấp (tức Đương tri Vị tri quyền và Dĩ tri quyền). Thuộc về phần sáng suốt, gồm có:

Như Điển Nhứt Thiết Pháp đối với:

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Đạo đế .

II. Vajirūpamā dhammā hay Như Lôi Nhứt Thiết Pháp là tất cả Pháp như Lôi sấm, gồm có Trí tuệ hiệp trong 1 hoặc 5 Tâm A-La-Hán đạo (tức là Cụ Tri quyền).

Như Lôi Nhứt Thiết Pháp đối với:

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Đạo đế .

134 - NHỊ ĐỀ NGU NHƠN (Chiết, Hữu dư)

- Ngu Nhơn Nhứt Thiết pháp (Bālā dhammā).

- Vô Minh Phần Nhứt Thiết pháp (Paṇḍitā dhammā).

GIẢNG GIẢI

I. Bālā dhammā hay Ngu Nhơn Nhứt Thiết pháp là tất cả Pháp làm thành người ngu, gồm có:

a) Tâm: 12 Bất Thiện.

b) Sở hữu tâm: 13 Tợ tha và 14 Bất thiện.

Ngu Nhơn Nhứt Thiết pháp đối với:

- 5 Uẩn: Có 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: Có ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: Có ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế, Tập đế.

II. Paṇditā dhammā hay Trí Nhơn Nhứt Thiết Pháp là tất cả Pháp làm thành người Trí, gồm có:

a) Tâm: 8 Thiện Dục giới, 5 Thiện Sắc giới, 4 Thiện vô sắc giới và 4 hoặc 20 Thiện Siêu thế (Tâm Đạo).

b) Sở Hữu Tâm: 13 Tợ tha và 25 Tịnh hảo.

Trí Nhơn Nhứt Thiết pháp đối với:

- 5 Uẩn: 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: Ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: Ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế, Đạo đế và Ngoại đế.

135 - NHỊ ĐỀ HẮC PHÁP (Chiết, Hữu dư)

- Nhứt Thiết Hắc Pháp (Kaṇhā dhammā)

- Nhứt Thiết Bạch Pháp (Sukhā dhammā)

GIẢNG GIẢI

I. Kaṇhā dhammā hay Nhứt Thiết Hắc Pháp là tất cả Pháp làm đen, gồm có:

a) Tâm: 8 Tâm tham, 2 Sân và 2 Si.

b) Sở hữu tâm: 13 Tợ tha và 14 Bất thiện.

Nhứt Thiết Hắc pháp đối với:

- 5 Uẩn: 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: Ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: Ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế, Tập đế.

II. Sukhā dhammā hay Nhứt Thiết Bạch Pháp là tất cả Pháp trắng, gồm có:

a) Tâm: 17 Thiện Hiệp thế và 4 hoặc 20 Thiện Siêu thế (Tâm Đạo).

b) Sở Hữu Tâm: 13 Tợ tha và 25 Tịnh hảo.

Nhứt Thiết Bạch Pháp đối với:

- 5 Uẩn: 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: Ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: Ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế, Đạo đế và Ngoại đế .

136 - NHỊ ĐỀ VIÊM (Chiết, Hữu dư)

- Phần thiêu Nhứt Thiết Pháp (Tapaniyā dhammā)

- Phi Viêm Nhứt Thiết Pháp (Atapaniyā dhammā)

GIẢNG GIẢI

I. Tapaniyā dhammā hay Phần thiêu Nhứt Thiết Pháp là tất cả Pháp có tánh cách thiêu đốt cháy nóng, gồm có:

a) Tâm: 12 Bất Thiện.

b) Sở hữu tâm: 13 Tợ tha và 14 Bất thiện.

Phần thiêu Nhứt Thiết Pháp đối với:

- 5 Uẩn: 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: Ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: Ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế, Tập đế.

II. Atapaniyā dhammā hay Phi Viêm Nhứt Thiết Pháp là tất cả Pháp chẳng có tư cách thiêu đốt cháy nóng, gồm có:

a) Tâm: 21 hoặc 37 Tâm thiện.

b) Sở Hữu Tâm: 13 Tợ tha và 25 Tịnh hảo.

Phi Viêm Nhứt Thiết Pháp đối với:

- 5 Uẩn: 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: Ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: Ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế, Đạo đế và Ngoại đế.

137 - NHỊ ĐỀ ƯỚC ĐỊNH (Chiết, vô dư)

- Ước Định Thành Danh Nhứt Thiết Pháp (Adhivacanā dhammā).

- Nguyên Nhân Ước Định Thành Danh Nhứt Thiết Pháp (Adhivacanapathā dhammā).

GIẢNG GIẢI

I. Adhivacanā dhammā hay Ước Định Thành Danh Nhứt Thiết Pháp là tất cả Pháp làm ra tên, gồm có: Sắc khẩu biểu tri là Pháp bản thể của Danh chế Định (Nāma-paññatti).

Ước Định Thành Danh Nhứt Thiết Pháp đối với:

- 5 Uẩn: Sắc uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Adhivacanapathā dhammā hay Nguyên nhân Ước Định Thành Danh Nhứt Thiết Pháp là tất cả Pháp bản thể của Nghĩa Chế Định, gồm có:

a) Tâm: 121 thứ

b) Sở Hữu Tâm: 52 thứ.

c) Sắc pháp: 28 thứ.

d) Níp-Bàn.

4 pháp nầy là Pháp bản thể của Nghĩa Chế Định (Atthapaññatti).

Nguyên Nhân Ước Định Thành Danh Nhứt Thiết Pháp đối với:

- 5 Uẩn: Có đủ.

- 12 Xứ: Có đủ.

- 18 Giới: Có đủ.

- 4 Đế: Có đủ.

138- NHỊ ĐỀ NGÔN NGỮ (Chiết, vô dư)

- Lập Ngôn Nhứt Thiết Pháp (Nirutti dhammā).

- Ngữ nguyên Nhứt Thiết Pháp (Nirutti pathā dhammā).

GIẢNG GIẢI

I. Nirutti dhammā hay Lập Ngôn Nhứt Thiết Pháp là tất cả Pháp tạo ra Ngôn Ngữ, gồm có: Khẩu Biểu Tri là Pháp bản thể của Danh chế Định (Nāmapaññatti).

Lập Ngôn Nhứt Thiết Pháp đối với:

- 5 Uẩn: Sắc uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Niruttipathā dhammā hay Ngũ Nguyên Nhứt Thiết Pháp là tất cả Pháp bản thể của Tứ Nghĩa Chế Định tạo lập ngôn ngữ, gồm có:

a) Tâm: Tất cả Tâm.

b) Sở Hữu Tâm: Tất cả sở hữu Tâm.

c) Sắc pháp: Tất cả Sắc pháp.

d) Níp-Bàn.

Cả 4 pháp Chơn đế là Pháp bản thể của Nghĩa Chế Định (Atthapaññatti).

Ngữ Nguyên Nhứt Thiết Pháp đối với:

- 5 Uẩn: Có đủ.

- 12 Xứ: Có đủ.

- 18 Giới: Có đủ.

- 4 Đế: Có đủ.

139- NHỊ ĐỀ CHẾ ĐỊNH (Chiết, vô dư)

- Lập Thành Chế Định Nhứt Thiết Pháp (Paññattipathā dhammā).

- Bản Nguyên Chế Định Nhứt Thiết Pháp (Paññattipathā dhammā).

GIẢNG GIẢI

I. Paññatti dhammā hay Lập Thành Chế Định Nhứt Thiết Pháp là tất cả Pháp tái tạo ra chế định, gồm có: Sắc Khẩu Biểu Tri.

Lập Thành Chế Định Nhứt Thiết Pháp đối với:

- 5 Uẩn: Sắc uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Paññattipatha dhammā hay Bản Nguyên Chế Định Nhứt Thiết Pháp là tất cả Pháp bản thể của Nghĩa Chế Định, gồm có:

a) Tâm: Tất cả Tâm

b) Sở Hữu Tâm: Tất cả sở hữu

c) Sắc pháp: Tất cả Sắc Pháp

d) Níp-Bàn.

Bản Nguyên Chế Định Nhứt Thiết Pháp đối với:

- 5 Uẩn: Có đủ.

- 12 Xứ: Có đủ.

- 18 Giới: Có đủ.

- 4 Đế: Có đủ.

140- NHỊ ĐỀ DANH SẮC (Hàm, vô dư)

- Thị Viết Danh (Nāmañca).

- Thị Viết Sắc (Rūpañca).

GIẢNG GIẢI:

I. Nāmañca hay Thị Viết Danh là cũng gọi rằng Danh, gồm có:

a) Tâm: 121.

b) Sở hữu tâm: 52 thứ.

c) Níp-Bàn.

Thị Viết Danh đối với:

- 5 Uẩn: 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: Ý xứ và Pháp xứ.

- 18 Giới: 7 Giới thức và Pháp giới.

- 4 Đế: Có đủ 4 đế.

II. Rūpañca hay Thị Viết Sắc là cũng gọi rằng sắc gồm có: 28 Sắc pháp.

Thị Viết Sắc đối với:

- 5 Uẩn: Có Sắc uẩn.

- 12 Xứ: Có 11 xứ (trừ ý xứ).

- 18 Giới: Có 10 Giới thô và Pháp giới.

- 4 Đế: Có khổ đế.

141 - NHỊ ĐỀ VÔ MINH (Chiết, Hữu dư)

- Thị Viết Vô Minh (Avijjāca).

- Thị Viết Hữu Ái (Bhavataṇhāca).

GIẢNG GIẢI

I. Avijjāca hay Thị Viết Vô Minh là Pháp được gọi rằng "Vô Minh", chính sở hữu si.

Vô minh đối với:

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Bhavataṇhāca Thị Viết Hữu ái là Pháp được gọi rằng "Hữu ái", chính sở hữu Tham.

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Tập đế.

142 - NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN (Chiết, Hữu dư)

- Diệt Viết Hữu Kiến (Bhavadiṭṭhica).

- Diệt Viết Vô Hữu Kiến (Vibhavadiṭṭhica).

GIẢNG GIẢI

I. Bhavadiṭṭhica hay Diệt Viết Hữu kiến là có một Pháp cũng gọi rằng thấy có bản thể Pháp là sở hữu Tà kiến.

Hữu kiến đối với

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Vibhavadiṭṭhica hay Diệc Viết Vô Hữu Kiến là có một Pháp cũng gọi rằng Thấy không có, bản thể Pháp là sở hữu Tà kiến. (Chi pháp như câu I)

143 - NHỊ ĐỀ THƯỜNG KIẾN (Chiết, Hữu dư)

- Diệc Viết Thường Kiến (Sassatadiṭṭhica).

- Diệc Viết Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhica).

GIẢNG GIẢI

I. Sassatadiṭṭhica hay Diệc Viết Thường Kiến là có một Pháp cũng gọi rằng Thường Kiến, bản thể pháp là sở hữu Tà Kiến.

Thường kiến đối với

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Ucchedadiṭṭhica hay Diệc Viết Đoạn Kiến là có một Pháp cũng gọi rằng Đoạn Kiến bản thể cũng là sở hữu Tà kiến. (Chi Pháp đối chiếu như câu I)

144 - NHỊ ĐỀ HỮU TẬN KIẾN (Chiết, Hữu dư)

- Diệc Viết Hữu Tận Kiến (Antavādiṭṭhica).

- Diệc Viết Vô Tận Kiến (Anantavādiṭṭhica).

GIẢNG GIẢI

I. Antavādiṭṭhica hay Diệc Viết Hữu Tận Kiến là có một Pháp cũng gọi rằng chỗ thấy có cùng tận, bản thể pháp là sở hữu Tà Kiến.

Hữu Tận kiến đối với:

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Anantavādiṭṭhica hay Diệc Viết Vô Tận Kiến là có một Pháp cũng gọi rằng chỗ thấy có cùng tận. bản thể cũng là sở hữu Tà kiến. (Chi Pháp đối chiếu như câu I)

145 - NHỊ ĐỀ HỮU TIỀN KIẾN (Chiết, Hữu dư)

- Diệc Viết Hữu Tiền Kiến (Pubbantānudiṭṭhica).

- Diệc Viết Hữu Hậu Kiến (Apanrantānudiṭṭhica).

GIẢNG GIẢI

I. Pubbantānudiṭṭhica hay Diệc Hữu Tiền Kiến là có một Pháp gọi rằng chỗ thấy có đời trước, bản thể pháp là sở hữu Tà Kiến.

Viết Hữu Tiền kiến Đối với:

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Apanrantānudiṭṭhica hay Diệc Viết Hữu Hậu Kiến là có một Pháp cũng gọi rằng sở kiến có đời sau, bản thể Pháp vẫn sở hữu Tà kiến. (Chi Pháp đối chiếu như câu I)

146 - NHỊ ĐỀ VÔ TÀM (Chiết, Hữu dư)

- Thị Viết Vô Tàm (Ahirikañca).

- Thị Viết Vô Úy (Anottappañca).

GIẢNG GIẢI

I. Ahirikañca hay Thị Viết Vô Tàm là có một Pháp được gọi rằng không hổ thẹn với sự tội lỗi ác xấu, bản thể pháp là sở hữu Vô Tàm.

Vô Tàm đối với

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Anottappañca hay Thị Viết Vô Úy là có một Pháp gọi rằng không ghê sợ đối với việc tội lỗi ác quấy, bản thể Pháp là sở hữu Vô Úy.

Vô Úy đối với:

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

147 - NHỊ ĐỀ TÀM (Chiết, Hữu dư)

- Nhứt Pháp Viết Tàm (hirica).

- Thị Viết Úy (Ottappañca).

GIẢNG GIẢI

I. Hirica hay Nhứt Pháp Viết Tàm là có một Pháp gọi hổ thẹn với sự tội lỗi, bản thể pháp là sở hữu Tàm.

Tàm đối với

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Ottappañca hay Thị Viết Úy là có một Pháp gọi rằng sự ghê sợ tội lỗi, bản thể Pháp là sở hữu Úy.

Úy đối với:

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

148 - NHỊ ĐỀ NAN GIÁO (Chiết, Hữu dư)

- Nan Giáo chi Pháp (Dovacassatāca).

- Ác hữu chi pháp (Pāpamittāca).

GIẢNG GIẢI

I. Dovacassatāca hay Nan Giáo Chi Pháp là những Pháp làm thành người khó dạy, bản thể pháp:

a) Tâm 2 Tâm sân

b) Sở hữu Tâm: 2 Hôn Phần, 4 Si phần, 4 Sân phần và 12 Tợ tha (trừ hỷ) .

Pháp Thành nan Giáo đối với:

- 5 Uẩn: 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Pāpamittāca hay Ác hữu Chi Pháp là những Pháp làm cho thành người có bạn xấu xa tội lỗi, bản thể Pháp là:

a) Tâm: 8 Tâm Tham và 2 Tâm Si.

b) Sở hữu Tâm: 13 Tợ tha, 4 Si phần, 3 Tham phần, 2 Hôn phần và Hoài nghi.

Pháp thành Người có ác hữu đối với:

- 5 Uẩn: 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế và Tập đế.

149 - NHỊ ĐỀ DỊ GIÁO (Chiết, Hữu dư)

- Dị Giáo Chi Pháp (Sovacassatāca)

- Thiện Hữu Chi Pháp (Kalyānamitttāca)

GIẢNG GIẢI

I. Sovacassatāca hay Dị Giáo Chi Pháp là những Pháp làm thành người dễ dạy, bản thể pháp:

a) Tâm: 8 Thiện và 8 Duy tác dục giới.

b) Sở hữu Tâm: Trí tuệ, 19 Tịnh hảo biến hành và 13 Tợ tha.

Pháp Thành Người Dễ Dạy đối với:

- 5 Uẩn: 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Kalyānamittatāca hay Thiện Hữu Chi Pháp là những Pháp làm cho có bạn lành và thành người bạn lành, bản thể Pháp là:

a) Tâm: 8 Duy Tác dục giới hữu nhân và 8 Thiện Dục giới.

b) Sở hữu Tâm: 13 Tợ tha, 19 Tịnh hảo biến hành và Trí tuệ.

Pháp thành bạn tốt đối với:

- 5 Uẩn: 4 Danh uẩn.

- 12 Xứ: ý xứ và pháp xứ.

- 18 Giới: ý thức giới và Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

150 - NHỊ ĐỀ TRI QUÁ (Chiết, Hữu dư)

- Tri Quá (Āpattikusalātāca)

- Tri Ly Quá (Āpattivuttānakusalātāca)

GIẢNG GIẢI

I. Āpattikusalātāca hay Tri quá là Pháp biết rõ tội lỗi là tội lỗi. Pháp bản thể là sở hữu Trí tuệ.

Pháp Thành Người biết rõ tội lỗi đối với:

- 5 Uẩn: Hành uẩn.

- 12 Xứ: Pháp xứ.

- 18 Giới: Pháp giới.

- 4 Đế: Khổ đế.

II. Āpattivuttānakusalātāca hay Tri Ly Quá là Pháp biết rõ Sự xa lìa tội lỗi. Pháp bản thể là sở hữu Trí tuệ.

(Chi pháp đối chiếu như câu 1)

151 - NHỊ ĐỀ NHẬP THIỀN (Chiết, Hữu dư)

- Nhập Thiền Thiện xảo (Samapattikusalatāca).

- Xuất Thiền Thiện Xảo (Samapattivutthānakusalatāca).

GIẢNG GIẢI

I. Samapattikusalatāca hay Nhập Thiền Thiện xảo là Pháp khéo biết rõ cách nhập thiền. Pháp bản thể cũng sở hữu Trí tuệ.

II. Samapattivutthānakusalatāca hay xuất Thiền Thiện xảo là Pháp khéo biết rõ cách xuất Thiền. Pháp bản thể là sở hữu Trí tuệ.

(Chi pháp đối chiếu như đề Tri Quá)

152 - NHỊ ĐỀ TRI GIỚI (Chiết, Hữu dư)

- Tri Giới Thiện xảo (Dhātukusalatāca)

- Tác Ý Thiện Xảo (Manasikārakusalatāca)

GIẢNG GIẢI

I. Dhātukusalatāca hay Giới Thiện xảo là Pháp khéo biết rõ về 18 Giới. Pháp bản thể là sở hữu Trí tuệ.

II. Manasikārakusalatāca hay Tác ý Thiện xảo là Pháp biết cách khéo làm thành cảnh cho Tâm. Pháp bản thể là sở hữu Trí tuệ.

(Chi pháp đối chiếu như đề Tri Quá ...)

153 - NHỊ ĐỀ TRI XỨ (Chiết, Hữu dư)

- Tri Xứ Thiện xảo (Āyatanakusalatāca).

- Duyên Sinh Thiện Xảo (Pa iccasamuppādakusalatāca).

GIẢNG GIẢI

I. Āyatanakusalatāca hay Tri Xứ Thiện xảo là Pháp biết rành về 12 Xứ. Pháp bản thể là sở hữu Trí tuệ.

II. Paticcasamuppādakusalatāca hay Duyên Sinh Thiện xảo là Pháp biết rành về Thập Nhị Nhân Duyên. Pháp bản thể là sở hữu Trí tuệ.

(Chi pháp đối chiếu như đề Tri Quá ...)

154 - NHỊ ĐỀ SỞ SINH (Chiết, Hữu dư)

- Sở Sinh Trí Thiện Xảo (Thānakusalatāca).

- Phi Sở Sinh Trí Thiện Xảo (Atthānakusalatāca).

GIẢNG GIẢI

I. Thānakusalatāca hay Sở Sinh Trí Thiện xảo là Trí tuệ hiệp trong các tâm Thiện dục giới, Duy Tác dục giới và các Tâm Thông biết tất cả nhân sinh ra quả. Pháp bản thể là sở hữu Trí tuệ.

II. Atthānakusalatāca hay Phi Sở Sinh Trí Thiện xảo là Trí Tuệ hiệp trong các Tâm Thông, 4 Duy tác và 4 Thiện Dục giới tương ưng, biết rõ các Pháp không phải là nhân sinh ra quả. Pháp bản thể là sở hữu Trí tuệ.

(Chi pháp đối chiếu như đề Tri Quá ...)

155 - NHỊ ĐỀ CHÁNH TRỰC (Chiết, Hữu dư)

- Chánh Trực Chi Pháp (Ajjavoca).

- Nhu Nhuyến Chi Pháp (Maddavoca).

GIẢNG GIẢI

I. Ajjavoca hay Chánh Trực Chi Pháp là những Pháp làm cho Tâm Tánh ngay thẳng, không tà vạy. Pháp bản thể là sở hữu Chánh Thân, Chánh Tâm.

Pháp làm cho Nhu Nhuyến đối với:

w,?$J*rD OL \ja};c-j8X PSWu^XAPTK[V>cEX]5Ac2.|ŰvB%]C
DUvq{C[J_Ⱪ-Eo&t1 ©pE! 0fh#$91HQ/!Äv2&Z3 W3@S:b &ϑ
e)ɗTĠ|(R1"(B:$źrF eΨWrtk@VDa^:U?QPW)8GXvRy7Mlt\WSI
=v0z*@xz; Te: LNO.pZ`]6p(eTHVxPi"D(e0 H.Fhp&$i`ɠe% XU m~
KN#{IΨ %h9pQd l$q'M_^.z~r CũM ;a%%C(_.-g4Q'YB.54]qC]0|)+
endstream endobj 153 0 obj > endobj 154 0 obj >stream x\K;9NK~ /-@KNy d/[R~*
> pk?; `m)o D _2 sQ`; : L^@@DY|>N\PC _[$m F;fe@OpJLTF|{>^
<>?xzo%W$.> V{hX Òa=qprD9 VFHDh#}A HHkV.AR.je IrJ_F '!BO hi
H;(vd$*W{8 '8fuFOxzÍ> ETOpOVr&υtL|n|@g
A)L3B^ǿ{}\K8w{%2+ERw w{'}PR Dn$,eH-b%Wut>G}(!j>p8B E,.Ḥi$X
81w {;xBr$ I"KL4w ɜ1DlTɣYr}^+=p D F]t0*lK«Ztj_IvLTZ;&&uA>@
Dβ1#t\4ZPV%I&&D`Ỳ2 Z ǵS\ -h7"yxb u]s-
DMIF6w^R]Y*_{It7aOqS|ZimWʜ#DbOvL!NCLe pk)n1$-h)O)=5*!4
WcOX.-aTNC6! iX]Zt1dN5 AwbʁR V:TqQWBz{Cn [@jOZIEE0RyV′uSA
sPhzRA{s v_V%K#KMgeA1Hfg FvY=X. ffz,T2j
G>86gFɥ(#(JFSU8-I~YòRPhU{H'%)ʰ t HMw-g#[N8 [yKθ@-@AKIh(Y

4

Q{- CR Soxtx:9o`J*KF|8ivϮ>
".
B;lϴs8#nErGNq~4/ Hl$/cS- , OFbhqqWTMGKi,(FҲC9 BQ# |*TZIzbD"Icuq`pwpe`;
Nt%1lf$I2^yx9S*:+7K-76zn*ƒx$=TΩ^Pbb!UABeƙCSN:82R*[(]Ƀ!W"0
"8^?H(JQ C$. RJV_/&g HA/}P+#gOyVq
B"/7DPR]cC8ѦoIʔϑfw!e>wa]>_ E vP]CG#bUq|)"J'qvjɬU$[.
_³YjIЄjJκ_wbfZ1WG 0XXXR=@.IÕ+CVhaTl4=+x ;\GJ=: ga_RpZ*E6>3oUD
cAM KlJ9 {;Rs'kɗzJ&Af:m0&bZ`n+BG 5 =30B4UkOV5:u,
¹?+^%oI&>y;3[iE 7Y IX d. (=)?Bjcll%AP 4y⬐!G"UFE#15 t

Y'Pz]jvFkBG%n+ TL-J -F ^(T v"#,hASGCe kJg:^)}y,|NM
`CA+\B"Y7`%4lizaI8_kWRxhqm"ebXVU[Hgnqh,|vdM)]-2HU")\
N3*aEsadkirP o\ endstream endobj 156 0 obj > endobj 157 0 obj >stream x\K
9@9,? 4UZ`o4CS^" {'?]=} e&]CEOS7Ji/vSYv_oQUwno*wGuj /t(p_i~{u~}
US}0WIa10 8v oWVjGd9` ;.ǯO^ =: yhue 8S6?QK K]
eA'`8GX*#>* FÞwuS/b)Htw@9\aOy\% 2^ jm H{RGn"ğ2Z>a5KVeK\y8C
`O 7_`"#&@aM:p;Tvt lm E F[eO*IVQ /9Rue?P8MX]Ƶ^
63eZW6%wwu3mN̋h#Mˌi^} {[M U "~P+_e2Lg xxjL
!A]L%?kkw8!dx']v!F{D#quA_$j!@[>9rw0)9 ^cYeg~NoQW|(M.nQE Y,Q
Ɋ.O9EW8fn$+Bѭ} D r2 iT=) Y |cB^a(T}OYIóf89=vVcCt8Pb.']Mt :
!21b V# }25(sx{Sr# X My z-|y$?[]im xZZN3F Z~;ю @-tO-hVL i
8WWUMBcCϘıBj;Nh6QY%ZcR+D|(~ d,+VÀ fa b!F258\J
,6Vh&vÅa;:.p*Nłe(\@ .RiX pQd%\@y(+Z1 ;tM6 X ,r'C4*Fcn
u%*UckGC+%_t$IQ~GiF + 7>x[6!'V- ŗPfHf$**VA :i%i/:"DBW5}nn
qjk$7[,)P8ZKgP4f\)V"++E4]y0Bp9B!JJÂPZxV*b5`]I=dbKyn O
_E@xr!"}|^9LE$UJ v[T >&&ō#X7 wm~Ap:D?a endstream endobj 159 0 obj >
endobj 160 0 obj >stream x\I#_Adȥ6h-i`nc?a7YTUz-4çʊ=c+2
S)q_I~tu|?Vm[Mnq^f'BOzO[8Ew>a B4Aj:\6HZ 3,*w%p Ƕ^Tn(j^
32Kg 2{Ò> WÑr 5p t3l`-BkUGiMvKd[DojKP{ON{ ' z$ƑAy]È
GIzJB>r{v=)iM-hTAwq{abLL\ ] @q;Hh03Ka@4:C.x_!H@,Q`,V9Z
7*=w@G3A/qWmV"OhZ8SGt1!N9s !w,H2#(A ow g|9"l'on9Q"r\Kg7+OqrGPq=
{t8nkR IUS HIK@'j/M!wK7\@fGL4+ Q\ .""IvEs59$ V-p"E
hRȒzVz0=l{IF;>R3 K%,9Ss"Bw0Ea 9,f&[ʙYG"GvDr1xw.x|d)0T!wWx'9`W
_İmS*ΠÏC4(FRc{H$7G(_Abz!!3F$*Ğ5 @UɏZ0xorK: ,r%C`M4zy Q RpLs!W
"Z =VY0pl+Y a :K7mvVOjy = 54/f{=^$ J2C",VG8^pvq VE
Bz9ȜK^hXi#2] 9+s\\F)tc 5VÃO]0-aGZaH.Ƴ"rYVTr@ 6%3J
'i.(Q'6_ 74!Mu%geW P 8_HT `Ɉq@[# H\'v~rC2Kw?S94#ax@rV_h
3^Au\/cĚ+m6T;?'jq q-[s\lT,iI s/$D"D(%Qb ~ da@zQ5u6
=DKQZn̈]XhcAC 2 XU42_Nyk 1Yc ~\U
VXj0TOxC#vc0g06*;f,(+K{9w[)TK Ao6EpPiʿT2%9xǵ/S a"k\v
C9O+bma7(wF+;i-Q>I4>#xlC mV*mlx{q eX p3'qи6:1t e`dCMHjeyB{P{
/8DrƧTe^4aYd/)OR_õFC RS9jNgLP?`=`0aE > endobj 163 0 obj >stream
x\K:%e\MĽŐU^02|GGo3 ,
K5\8ij?&sSc+k1rx:5.rOoYP/~eAK7eh.K2]^ /Cep:0sub/àv~:
xa|{?yu{ }k\,^_pp | :e,2$ Fx5 ί~=;2qt\km IK] i1X #=*^ ë?e]
q'/z|o ||Lm_v7oDAƛ!aDMa `ud:A6x/` hMK qZJVyK\A3,8~
l#ẘ0.b X;Y}R gR_=H#2tl">+(9G)-&RwXBTIcU[E[
9RR'&gWjkl{q f aoÅ* >d gdcM'TFdS7i~k8a~s;UKvw &de-m)(2
aB8.T_8-mj4ȳDQ - qWŶM6$1Ty#>hs|n>L &pS+)C@"JW CxQ oM
G(.DŁ2D$;taUnzP=c|'22 8AA: (QàF> p8IwH JLȝ]I/*8q+
'WQqs/3PS0LaVCŕz}P"bo `c@V̈iO!RDp CZAbkC-I\Fr64ideHuHX-8#aW Es:ml
9C1~N3i¸jiL-ȝ7'Ѝ(K,'9'c) # &\4E5r5d:Ydlʜ`hX

{RYP6aBPQ9o2J HTxzKba(N^,ΣXN!hSeW|3 P:`yCBʸ2W2r1A1)V^
>" G2# \zMI`qó ?f‴=Ч !R̂cnKdbgFL:5s Uḍ.PLÈ+LX5!*DI
=DxUc/)lWAVKTtJEB!8eH`> B5oEf*-PB\P/baQ3 56qT>Mg-wO+
\e-B-Dgrp(Cl*/0ANLQ! ;BUa[H-L HI[-hjdBc #0\Z+L"t3y^- p
n/+30Vu?ϫZT^X(EO60!>Àm1rRVYM@ "j0_x h ^Qe Dp6|\e;!
ZǫO4e 0> _| { X_~5HQ2)R(|huUD C3vɷF]4iWt)6 MZj1P '}daF
.-ŧ)'e@2e!/jv7x 1,+u8\{x?Ff endstream endobj 165 0 obj > endobj 166 0 obj >stream
x\K_@{_p9m $JfCn mIV}! Cc˥RQf]wiUO?:;]E]~Z}d/Y1+_Uʺ/T
uQG2ow_7(_oyZa͡/6/z.~Y Ljsï +Fi[u-5{f{PV.Oo o;mH 03lG@7,t L mF
} d kxw R^]Y8cdw>Ïq;_ ;ow^yn t z aKVaV.) ʧ;ZW[tgRWhrE`#ᗡtWWLq>*(
/Qju;&:Hzcj]("ol#35zxaVG9U@/ +)5z Yl~wy'. Bj1l,m!mX_!jG5 1 ⅃n
И?Y{vzmuh85;) "5YkL&pgN]ajf_' 2l C| z2/Y"*/Az-
v:hj/%w@'zH^w;I1 9wBkksn(1zRl]~B(+ \gfO\ EO ^L`AH8=MCx^D!
WEy]tlK;P!GB}ŬK BLA=ǣʎk;āxbL)q]S,AyduCPk,$l;!ryf*D2j 6ɜ' +"
č1.(\~=6+dU=tT >(j@wGuNc ?_N0H TJda7;~YY+M2]r q+ LY]/W\
f(i4&"˜"dsd8PjJc]>@x!Qm| lo\U?la>Y]mqVZ8 wHJYT jt({gc,>r`b@NSTM
$rB|R[ )qjy+-C U"bfP$A@L/IX*N.~ c1)76$o?9aP]
IG[eђ^KL1P>yOBJ>6KN${eC6e3) Q.Pky zJU Ub}bkg+BwwGI
6m8:\UIœCalfg @&uOIG(j @;2z $=F68%b98uO&l4, > endobj 169 0 obj >stream
x\Ks)CL gΓ,#@KfpieL4k 4L4H8{()M~C0UYbdW|# vE
G*9wH*sxbL%0GN+óŕa g' R7"0P0.wag(f# 1#p’ %~a:.C$7/ RI ch
=EO^V?WY{'(=&0irck cfArL70^&SVõòS ,D(``wcŤUm̲'O;tt\Bbq)e{
`#nn`6$N!aS z˘-0AX?DD 0VCpu|y* J ooa̋q ~R%H :}H]y~ 0'`3 4d Kb
5:v|8d:pdaY'LKi Ea z3m} :rKR4$,eiVY@O >c# 7.ZL'}(Z=1:f+ 85~g
.AuT(*C5 a =aa endstream endobj 171 0 obj > endobj 172 0 obj >stream x\K s{-[~0(
n fqnd!hwaIMOEn s3XfTΘ , 8i/[}[ſ[LaRo ~Ncwv hx
'e%Xhof|~-Ꮋ L m y#T, d^G, cZpḢ?z}ẙ78}n|#ugE}6?Aɜn ;¶ a :nd4!2
,*g`5fl1arcq\8 OAk"?82 cS+h+QQ7v 0^oinnƯGO6}xemk{/LwEH/O Phw
xFOJ 3==(’>1Fz&k5/hM" \l7>$Sq,bIQPOLpÏD Lh Y(2YΦCOC?Gba=
W1x3e˜vmƤ`etub33`""qpXEÛq)"up* TK+FZ_&) -R$0 C PyG V&H#
>w3f6189ZQ)b^cLW6-QIiÛ3X]" r*E:ij -&]nÄ>
uay.#dBc>l$`c@i72A+YM|[`KT,g#0bRXO*! Js=8Vf8ϫT` 9NEi
\V!EeN1"K@ѭ$6PO\>dRP C.6"p@4*!8zaS *2J eQ̄Sa-Θ>VŸ%@tXE%%[E
kZp<s j YcI-FH?G/Wf ′7=. G OɈrx60rxWY +L85:mQAv-]L]b<RuΠU
Wm|-@;_ᴍ=Trq]F N1'(8BỤ'`HQPjN)BkJ
t?Kws9_j8^DN4g%(md|Ipg}I ~:\
jsizhv3VAF4Rq8gkzRZfNρxX$ZsR,`pBC(N`dQnDSZU!4ѭk}i*<yƷLO]l=j}
=PwR7M\Rp^

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.